CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)

Trụ sở chính:
Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.
Tel : (84-4) 38241990 /1.
Fax: (84-4) 38253973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:
63 Trần Khánh Dư, Quận 1
TP Hồ Chí Minh
Tel : (84-8) 35265796 / 7
Fax: (84-8) 38435590
E-mail: aaschcm@aasc.com.vn

VPĐD tại Quảng Ninh:
Cột 2, Đường Nguyễn Văn Cừ,
TP Hạ Long - Quảng Ninh
Tel : (84-33) 3627571
Fax: (84-33) 3627572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
INPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Tên giao dịch của Công ty là: Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company. Tên viết tắt là: VG PIPE.,JSC.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép;
- Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men;
- Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, vận tải bê tông tươi;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thể	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Đỗ Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thể	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT-ĐỨC VG PIPE

Lê Minh Hải

Số: 19 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 08 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3824 1990/1 - Fax: (84-4) 3825 3973
Email: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

AFFILIATE INPACT INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	**A**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**678.340.390.583**	**240.529.522.113**
110	**I**	**Tiền và các khoản tương đương tiền**		**359.139.915.154**	**1.116.246.567**
111	1	Tiền	3	359.139.915.154	1.116.246.567
130	**III**	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**116.504.793.470**	**116.946.564.423**
131	1	Phải thu của khách hàng		113.320.141.982	115.301.301.131
132	2	Trả trước cho người bán		2.179.129.648	1.607.315.348
135	5	Các khoản phải thu khác		1.005.521.840	37.947.944
140	**IV**	**Hàng tồn kho**		**171.349.817.411**	**115.512.725.642**
141	1	Hàng tồn kho	4	171.349.817.411	115.512.725.642
150	**V**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**31.345.864.548**	**6.953.985.481**
151	1	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.198.569	80.607.071
152	2	Thuế GTGT được khấu trừ		1.578.948.110	610.310.741
154	3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	4.752.440	2.250.036.591
158	4	Tài sản ngắn hạn khác	6	29.757.965.429	4.013.031.078
200	**B**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**254.618.206.699**	**133.909.498.319**
210	**I**	**Các khoản phải thu dài hạn**		**13.856.700.000**	-
218	4	Phải thu dài hạn khác	7	13.856.700.000	-
220	**II**	**Tài sản cố định**		**91.742.892.323**	**93.058.962.452**
221	1	Tài sản cố định hữu hình	8	74.296.190.201	75.516.532.241
222	-	Nguyên giá		123.872.815.411	116.332.679.464
223	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(49.576.625.210)	(40.816.147.223)
227	3	Tài sản cố định vô hình	9	17.446.702.122	17.542.430.211
228	-	Nguyên giá		18.288.889.829	18.252.139.829
229	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(842.187.707)	(709.709.618)
250	**IV**	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	10	**140.179.287.714**	**32.983.400.000**
251	1	Đầu tư vào công ty con		138.148.586.224	24.950.000.000
252	2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	8.033.400.000
258	3	Đầu tư dài hạn khác		2.030.701.490	-
260	**V**	**Tài sản dài hạn khác**		**8.839.326.662**	**7.867.135.867**
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	11	8.839.326.662	7.867.135.867
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**932.958.597.282**	**374.439.020.432**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	**A**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**446.872.641.170**	**228.115.392.614**
310	**I**	**Nợ ngắn hạn**		**446.607.536.756**	**227.958.715.910**
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	12	391.882.996.169	202.053.682.201
312	2	Phải trả người bán		48.832.427.244	20.669.607.839
313	3	Người mua trả tiền trước		2.219.146.884	4.133.816.692
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.987.987.306	123.194.044
315	5	Phải trả người lao động		857.400.000	-
316	6	Chi phí phải trả	14	382.019.422	360.760.118
319	9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	445.559.731	617.655.016
330	**II**	**Nợ dài hạn**		**265.104.414**	**156.676.704**
336	6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		265.104.414	156.676.704
400	**B**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**486.085.956.112**	**146.323.627.818**
410	**I**	**Vốn chủ sở hữu**	16	**481.662.206.902**	**144.390.585.706**
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	125.997.100.000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần		65.269.904.788	30.450.000
414	4	Cổ phiếu quỹ (*)		(3.508.514.890)	-
416	6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		51.153.413	-
417	7	Quỹ đầu tư phát triển		6.888.844.210	3.221.107.112
418	8	Quỹ dự phòng tài chính		3.319.422.105	1.485.553.556
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.644.297.276	13.656.375.038
430	**II**	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**4.423.749.210**	**1.933.042.112**
431	1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.423.749.210	1.933.042.112
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**932.958.597.282**	**374.439.020.432**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
5 Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		774.719,34	1.235,36

Lập ngày 08 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Thị Nhi	Lê Minh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	17	**1.079.452.648.292**	**1.201.521.075.565**
02	2 **Các khoản giảm trừ doanh thu**	18	**5.076.327.699**	**3.455.725.165**
10	3 **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	19	**1.074.376.320.593**	**1.198.065.350.400**
11	4 **Giá vốn hàng bán**	20	**981.956.749.199**	**1.121.227.536.505**
20	5 **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**92.419.571.394**	**76.837.813.895**
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.104.285.670	12.026.665.157
22	7 Chi phí tài chính	22	20.914.877.653	35.111.987.580
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*20.652.285.155*	*33.529.009.866*
24	8 Chi phí bán hàng	23	30.349.951.092	27.904.863.805
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.633.544.382	10.520.394.248
30	10 **Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**39.625.483.937**	**15.327.233.419**
31	11 Thu nhập khác		1.981.567.013	278.208.686
32	12 Chi phí khác		1.572.012.638	272.659.971
40	13 **Lợi nhuận khác**		**409.554.375**	**5.548.715**
50	14 **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**40.035.038.312**	**15.332.782.134**
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.357.667.329	766.639.107
60	17 **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**36.677.370.983**	**14.566.143.027**

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Thị Nhi	Lê Minh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	*I Lợi nhuận trước thuế*		*40.035.038.312*	*15.332.782.134*
02	Khấu hao tài sản cố định		9.667.226.920	7.221.310.700
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	8.206.448
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.445.161.156)	(798.553.856)
06	Chi phí lãi vay		20.652.285.155	33.529.009.866
08	*3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*66.909.389.231*	*55.292.755.292*
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.607.831.373)	(28.166.613.010)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(55.837.091.769)	(21.260.391.124)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.851.461.044	(38.723.867.720)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(895.782.293)	812.449.962
13	Tiền lãi vay đã trả		(20.672.970.947)	(32.191.260.627)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.048.042.898)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.819.871.525	25.857.511.932
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.517.570.919)	(25.489.306.279)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(22.950.525.501)*	*(66.916.764.472)*
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.703.139.747)	(29.525.744.835)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		62.048.757	57.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(107.395.887.714)	(20.033.400.000)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200.000.000	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.507.209.913	960.894.033
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(113.329.768.791)*	*(48.541.250.802)*
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		315.239.454.788	-
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(3.508.514.890)	-
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		925.502.280.987	759.857.405.412
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(735.672.967.019)	(664.488.564.893)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.307.444.400)	-
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*494.252.809.466*	*95.368.840.519*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**357.972.515.174**	**(20.089.174.755)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**1.116.246.567**	**21.194.604.580**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.153.413	10.816.742
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**359.139.915.154**	**1.116.246.567**

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Thị Nhi	Lê Minh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Công ty con

Tên đơn vị	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất thép chất lượng cao

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép;
- Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men;
- Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, vận tải bê tông tươi;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m2 đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m2 đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m2 đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm.
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phản bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

- Công cụ, dụng cụ tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm kể từ ngày 27/12/2006.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu;
- Công ty được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/5/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	8.857.600.450	98.168.708
Tiền gửi ngân hàng	350.282.314.704	1.018.077.859
Cộng	**359.139.915.154**	**1.116.246.567**

4 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	287.966.555	23.900.662.366
Nguyên liệu, vật liệu	71.216.472.804	43.937.671.045
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.696.332.644	4.583.648.305
Thành phẩm	87.671.524.704	41.750.588.782
Hàng hoá	1.477.520.704	1.340.155.144
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**171.349.817.411**	**115.512.725.642**

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT	4.752.440	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	834.510.787
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.415.525.804
Cộng	**4.752.440**	**2.250.036.591**

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tạm ứng	392.585.535	168.320.578
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	29.365.379.894	3.844.710.500
Cộng	**29.757.965.429**	**4.013.031.078**

7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay	13.856.700.000	-
Cộng	**13.856.700.000**	**-**

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01/12/2009, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE (Công ty mẹ) đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (Công ty con) vay tổng số tiền là 110 tỷ đồng, thời hạn vay là 3 năm. Trong thời gian lắp đặt, xây dựng không tính lãi, khi vận hành chính thức tùy tình hình sẽ xác định mức lãi suất áp dụng theo mức lãi suất vay tại các Ngân hàng.

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**39.797.590.209**	**69.078.420.254**	**7.114.631.251**	**342.037.750**	-	**116.332.679.464**
2. Số tăng trong năm	**3.015.705.330**	**5.502.867.161**	**1.130.835.438**	-	-	**9.649.407.929**
- Mua sắm mới	3.015.705.330	5.502.867.161	1.130.835.438	-	-	9.649.407.929
3. Số giảm trong năm	-	-	**2.109.271.982**	-	-	**2.109.271.982**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.109.271.982	-	-	2.109.271.982
4. Số dư cuối năm	**42.813.295.539**	**74.581.287.415**	**6.136.194.707**	**342.037.750**	-	**123.872.815.411**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**9.466.397.430**	**28.050.295.548**	**3.121.540.774**	**177.913.471**	-	**40.816.147.223**
2. Số tăng trong năm	**1.794.558.956**	**6.907.359.412**	**766.030.399**	**66.800.064**	-	**9.534.748.831**
- Trích khấu hao	1.794.558.956	6.907.359.412	766.030.399	66.800.064	-	9.534.748.831
3. Số giảm trong năm	-	-	**774.270.844**	-	-	**774.270.844**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	774.270.844	-	-	774.270.844
4. Số dư cuối năm	**11.260.956.386**	**34.957.654.960**	**3.113.300.329**	**244.713.535**	-	**49.576.625.210**
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	**30.331.192.779**	**41.028.124.706**	**3.993.090.477**	**164.124.279**	-	**75.516.532.241**
2. Cuối năm	**31.552.339.153**	**39.623.632.455**	**3.022.894.378**	**97.324.215**	-	**74.296.190.201**

Tại thời điểm 31/12/2009, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình (trừ giá trị của Nhà xưởng 2 mới đầu tư) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	**18.219.064.829**	**33.075.000**	**18.252.139.829**
2. Số tăng trong năm	-	**36.750.000**	**36.750.000**
- Mua sắm mới	-	36.750.000	36.750.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**18.219.064.829**	**69.825.000**	**18.288.889.829**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế			
1. Số dư đầu năm	**680.493.704**	**29.215.914**	**709.709.618**
2. Số tăng trong năm	**123.290.253**	**9.187.836**	**132.478.089**
- Trích khấu hao	123.290.253	9.187.836	132.478.089
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**803.783.957**	**38.403.750**	**842.187.707**
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	**17.538.571.125**	**3.859.086**	**17.542.430.211**
2. Cuối năm	**17.415.280.872**	**31.421.250**	**17.446.702.122**

Tại thời điểm 31/12/2009, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định vô hình (trừ giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại Khu biệt thự nhà vườn thuộc Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	138.148.586.224	24.950.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	*56.808.586.224*	*24.950.000.000*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	*14.700.000.000*	-
- Công ty Cổ phần sản xuất thép Việt Đức	*66.640.000.000*	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	8.033.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức		*8.033.400.000*
Đầu tư dài hạn khác	2.030.701.490	-
Cộng	**140.179.287.714**	**32.983.400.000**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,91%	99,91%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	85,90%	72,59%	Sản xuất thép chất lượng cao

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	2.030.701.490	-
Cộng	**2.030.701.490**	**-**

Trong năm Công ty có mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn (mã chứng khoán BCC) với khối lượng 162.000 cổ phần. Giá giao dịch đóng cửa tại ngày 31/12/2009 là 13.300 đồng/cổ phiếu.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	7.470.334.522	7.646.799.117
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.201.752.636	116.336.687
Chi phí trả trước dài hạn khác	167.239.504	104.000.063
Cộng	**8.839.326.662**	**7.867.135.867**

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	391.882.996.169	202.053.682.201
- Vay ngân hàng	*391.882.996.169*	*193.067.910.696*
- Vay cá nhân	-	*8.985.771.505*
Cộng	**391.882.996.169**	**202.053.682.201**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên (1)	178.193.710.302	144.126.613.360
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên (2)	45.297.623.970	43.537.178.804
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (3)	140.409.480.103	5.404.118.532
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại Hà Nội (4)	27.982.181.794	-
Nguyễn Văn Thiêm	-	8.985.771.505
Cộng	**391.882.996.169**	**202.053.682.201**

Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐHM ngày 29/04/2009, hạn mức cho vay tối đa là 260 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của hợp đồng từ 29/04/2009 đến 31/03/2010, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Nợ gốc được hoàn trả trước hạn hoặc một lần khi đến hạn. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, được áp dụng theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản thế chấp, cầm cố của Công ty, của bên thứ ba và các tài sản đảm bảo khác của Công ty tại ngân hàng; đảm bảo bằng doanh thu và các khoản thu nhập được chuyển vào tài khoản tiền gửi, số dư tiền gửi của Công ty tại ngân hàng.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 08.14.0050/HĐTD ngày 29/04/2009, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để sản xuất kinh doanh ống thép các loại. Thời hạn của hợp đồng đến ngày 30/04/2010, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Nợ gốc được hoàn trả khi đến hạn trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 9,7%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD, lãi trả hàng tháng. Vốn vay theo hình thức không có tài sản bảo đảm.

(3) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 228/HĐHMTD/TCB-Vĩnh Phúc, hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Nợ gốc được hoàn trả một lần khi đến hạn. Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển (nguyên vật liệu và thành phẩm ống thép).

(4) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01-3713/2009/HĐTD ngày 11/8/2009 giữa chi nhánh Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt tại Hà Nội và Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE với mục đích mua USD để thanh toán LC số 4261037000290 và LC số 42610370002272 mở tại Ngân hàng BIDV Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng số tiền vay bằng ngoại tệ là USD1.527.411,67 trong thời hạn 6 tháng lãi suất 4% được đảm bảo bằng toàn bộ tiền ký quỹ tại tài khoản số 020007300027146 mở tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại Hà Nội của công ty CP ống thép Việt Đức VG PIPE với số tiền tương ứng là 27.982.181.794 VND. Nợ gốc được trả vào ngày 11/2/2010, lãi được tính và thu hàng tháng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.942.141.525	-
Thuế Thu nhập cá nhân	45.845.781	123.194.044
Cộng	**1.987.987.306**	**123.194.044**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước chi phí lãi vay	177.628.922	198.314.714
Trích trước chi phí phải trả khác	204.390.500	162.445.404
Cộng	**382.019.422**	**360.760.118**

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	366.359.001
Kinh phí công đoàn	172.900.880	125.778.872
Bảo hiểm xã hội	106.927.251	125.517.143
Phải trả, phải nộp khác	165.731.600	-
Cộng	**445.559.731**	**617.655.016**

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**70.000.000.000**	**47.419.000.000**	-		**1.764.492.810**	**757.246.405**	**11.358.696.072**	**131.299.435.287**
Tăng vốn trong năm	55.997.100.000	-	-	-	-	-	-	55.997.100.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	14.566.143.027	14.566.143.027
Tăng khác	-	-	-		1.456.614.302	728.307.151	-	2.184.921.453
Giảm vốn trong năm	-	47.388.550.000	-	-	-	-	-	47.388.550.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	12.268.464.061	12.268.464.061
Số dư đầu năm	**125.997.100.000**	**30.450.000**	-		**3.221.107.112**	**1.485.553.556**	**13.656.375.038**	**144.390.585.706**
Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	65.239.454.788	-	-	-	-	-	315.239.454.788
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	36.677.370.983	36.677.370.983
Tăng khác	-	-	-	51.153.413	3.667.737.098	1.833.868.549	-	5.552.759.060
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	3.508.514.890	-	-	-	-	3.508.514.890
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	16.689.448.745	16.689.448.745
Số dư cuối kỳ này	**375.997.100.000**	**65.269.904.788**	**(3.508.514.890)**	**51.153.413**	**6.888.844.210**	**3.319.422.105**	**33.644.297.276**	**481.662.206.902**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của đối tượng khác	375.997.100.000	100,00%	125.997.100.000	100,00%
Cộng	**375.997.100.000**	**100,00%**	**125.997.100.000**	**100,00%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	125.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	*125.997.100.000*	*70.000.000.000*
- Vốn góp tăng trong năm	*250.000.000.000*	*55.997.100.000*
- Vốn góp cuối năm	*375.997.100.000*	*125.997.100.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.472.106.000	8.608.550.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*7.472.106.000*	*8.608.550.000*

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 21/03/2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức của năm 2008 là 6% vốn điều lệ (theo đó, mỗi cổ phần được nhận 600 VND).

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	12.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	*37.599.710*	*12.599.710*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	271.200	-
- Cổ phiếu phổ thông	*271.200*	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.328.510	12.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	*37.328.510*	*12.599.710*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.888.844.210	3.221.107.112
Quỹ dự phòng tài chính	3.319.422.105	1.485.553.556
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.423.749.210	1.933.042.112
Cộng	**14.632.015.525**	**6.639.702.780**

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:
- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán thành phẩm	725.989.070.075	705.776.951.105
Doanh thu bán hàng hóa	353.463.578.217	495.744.124.460
Cộng	**1.079.452.648.292**	**1.201.521.075.565**

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chiết khấu thương mại	1.076.427.479	210.864.981
Giảm giá hàng bán	2.172.548.187	67.558.022
Hàng bán bị trả lại	1.827.352.033	3.177.302.162
Cộng	**5.076.327.699**	**3.455.725.165**

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	721.050.201.129	702.321.225.940
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	353.326.119.464	495.744.124.460
Cộng	**1.074.376.320.593**	**1.198.065.350.400**

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	639.251.047.084	633.908.326.748
Giá vốn của hàng hóa đã bán	342.705.702.115	487.319.209.757
Cộng	**981.956.749.199**	**1.121.227.536.505**

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.507.209.913	198.593.482
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.511.274.375	11.315.130.257
Lãi bán hàng trả chậm	1.085.762.919	190.143.918
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.463	322.797.500
Cộng	**10.104.285.670**	**12.026.665.157**

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	20.652.285.155	33.529.009.866
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	32.329.005	1.507.178.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	225.299.814	54.603.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.206.448
Chi phí tài chính khác	4.963.679	12.988.827
Cộng	**20.914.877.653**	**35.111.987.580**

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.001.187	256.326.089
Chi phí nhân công	2.267.220.857	1.387.917.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	512.273.835	586.019.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.258.183.777	25.095.883.698
Chi phí khác bằng tiền	608.271.436	578.717.244
Cộng	**30.349.951.092**	**27.904.863.805**

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.035.257.287	1.308.746.533
Chi phí nhân công	3.897.075.377	3.048.085.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.740.244.344	1.920.135.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.110.839.883	2.771.621.602
Chi phí khác bằng tiền	1.850.127.491	1.471.805.285
Cộng	**11.633.544.382**	**10.520.394.248**

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.796.667.613	766.639.107
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(1.439.000.284)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.357.667.329**	**766.639.107**

(*) Trong năm 2009, Công ty đang trong giai đoạn ưu đãi đầu tư. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu. Do đó, thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng đối với lợi nhuận từ hoạt động thương mại là 25%; đối với lợi nhuận từ tiêu thụ trong nước thành phẩm sản xuất là 10% và đối với lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm sản xuất thuế suất 5% .

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên lên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	*Công ty con*	*170.751.665.940*	*120.373.426.757*
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	*(*)*	*93.281.566.742*	*251.056.038.064*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	*Công ty con*	*10.806.491.234*	*43.923.858.585*
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	*Công ty con*	*756.529.599*	-
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	*Công ty con*	*124.278.759.370*	*45.625.581.232*
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	*(*)*	*25.426.281.444*	*111.293.984.069*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	*Công ty con*	*9.720.356.986*	*34.500.246.550*
Cho vay vốn			
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	*Công ty con*	*13.856.700.000*	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu			
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	*Công ty con*	*-*	*43.890.976.391*
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	*(*)*	*2.410.844.661*	*391.857.024*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	*Công ty con*	*590.450.417*	*8.641.183.985*
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	*Công ty con*	*933.628.623*	*-*
Phải thu vốn cho vay			
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	*Công ty con*	*13.856.700.000*	*-*

(*) Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Thị Nhi	Lê Minh Hải